

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017
và kết thúc vào ngày 31/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017	
- Bảng cân đối kế toán quý 4 năm 2017	5 - 6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2017	7
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 4 năm 2017	8
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 năm 2017	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Ninh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Ninh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 do UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2300108311 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp.

Ngày 18/07/2017, Công ty nhận được công văn số 5203/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2300108311 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017, vốn điều lệ của Công ty là 375.493.910.000 VND được chia thành 37.549.391 cổ phần, cụ thể như sau:

Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	184.202.790.000	49,06%
Vốn góp cổ đông	191.291.120.000	50,94%
Tổng cộng	375.493.910.000	100%

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 này thì chi phí cổ phần hóa và quyết toán vốn Nhà nước chưa được phê duyệt. Theo đó, Công ty chưa hoàn tất thủ tục bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh (công ty cổ phần hóa) và số vốn góp thực tế đang thấp hơn trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 ngày 03/05/2017.

2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | | |
|------------------------|--------------|-----|
| - Ông Nguyễn Tiến Long | Chủ tịch | (i) |
| - Ông Vũ Hữu Tân | Phó Chủ tịch | (i) |
| - Ông Trần Đại Hải | Thành viên | (i) |
| - Bà Vũ Thị Chuyên | Thành viên | (i) |
| - Ông Ngô Minh Châu | Thành viên | (i) |

(i) Theo Nghị quyết lần thứ nhất ngày 18/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Bà Trần Thị Hương	Trưởng ban	(i)
- Ông Nguyễn Bá An	Ủy viên	(i)
- Bà Nguyễn Thị Mai Lan	Ủy viên	(i)

(i) Theo Nghị quyết lần thứ nhất ngày 18/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Vũ Hữu Tâm	Tổng giám đốc	(i)
- Ông Trần Đại Hải	Phó Tổng giám đốc	(i)
- Ông Lưu Xuân Tâm	Phó Tổng giám đốc	(i)

(i) Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/HĐQT-BNW ngày 18/04/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 đính kèm.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 và đảm bảo Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 4 năm 2017;
- Lập Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 4 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 4 năm 2017.

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Hữu Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 4 NĂM 2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	31/12/2017	01/05/2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) =110+120+130+140+150)	100		249.193.838.043	244.962.198.163
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.996.631.989	27.027.048.463
1. Tiền	111		2.937.517.551	4.289.684.063
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.059.114.438	22.737.364.400
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		155.000.000.000	180.075.520.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	155.000.000.000	180.075.520.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.855.855.657	22.400.653.443
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.3	16.753.836.318	16.926.824.052
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	43.218.300.000	460.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.5	2.203.080.160	2.203.080.160
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.680.639.179	2.810.749.231
IV. Hàng tồn kho	140		13.089.882.572	12.365.022.637
1. Hàng tồn kho	141	5.7	13.089.882.572	12.365.022.637
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.251.467.825	3.093.953.620
3. Thuế và các khoản khác phải thu của nhà nước	153	5.14	4.251.467.825	3.093.953.620
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		328.037.315.517	295.605.493.569
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		856.324.843	856.324.843
6. Phải thu dài hạn khác	216		856.324.843	856.324.843
II. Tài sản cố định	220		268.191.539.709	218.006.568.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	264.176.566.840	213.717.508.887
- Nguyên giá	222		461.659.616.809	400.117.454.707
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(197.483.049.969)	(186.399.945.820)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	4.014.972.869	4.289.059.312
- Nguyên giá	228		5.687.415.300	5.687.415.300
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.672.442.431)	(1.398.355.988)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	56.160.629.043	72.344.513.977
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		13.201.306.726	14.001.961.130
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		42.959.322.317	58.342.552.847
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	1.650.000.000	3.300.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.650.000.000	3.300.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.178.821.922	1.098.086.550
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	1.178.821.922	1.098.086.550
TỔNG CÔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		577.231.153.560	540.567.691.732

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	31/12/2017	01/05/2017
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		195.126.948.360	164.223.989.266
I. Nợ ngắn hạn	310		62.636.511.913	54.359.605.632
1. Phải trả ngắn hạn người bán	311	5.13	14.672.442.026	24.717.297.319
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		275.962.289	564.027.732
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	7.161.986.859	5.398.919.751
4. Phải trả người lao động	314		5.541.917.629	3.331.517.119
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		738.534.911	407.261.331
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	5.15	582.887.354	641.778.366
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	5.024.068.362	13.563.474.014
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	28.638.712.483	5.735.330.000
II. Nợ dài hạn	330		132.490.436.447	109.864.383.634
1. Phải trả dài hạn người bán	331	5.13	730.766.825	6.985.716.284
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	82.171.277.991	47.433.410.079
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	49.588.391.631	55.445.257.271
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		382.104.205.200	376.343.702.466
I. Vốn chủ sở hữu	410		382.104.205.200	376.343.702.466
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.18	375.069.419.928	375.069.419.928
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.274.282.538	1.274.282.538
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		856.324.843	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.904.177.891	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	430		577.231.153.560	540.567.691.732

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thu Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Đình Tôn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Hữu Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 4 NĂM 2017

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	1/10/2017-31/12/2017	1/5/2017-31/12/2017
(1)	(2)			(3)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	32.019.498.583	81.039.545.857
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		32.019.498.583	81.039.545.857
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	25.366.048.551	64.390.331.994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.653.450.032	16.649.213.863
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	682.833.558	1.209.705.298
7. Chi phí tài chính	22	6.4	658.304.463	1.467.730.225
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		658.304.463	1.467.730.225
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	
9. Chi phí bán hàng	25		-	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.880.893.564	8.754.110.853
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		1.797.085.563	7.637.078.083
12. Thu nhập khác	31	6.6	7.549.386	42.594.386
13. Chi phí khác	32	6.7	4.009.118	7.721.352
14. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		3.540.268	34.873.034
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 + 40)	50		1.800.625.831	7.671.951.117
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	360.926.990	1.535.934.494
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : (60 = 50 - 51)	60		1.439.698.841	6.136.016.623
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		38,34	163,41

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thu Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Đình Tôn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Hữu Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 4 NĂM 2017 (Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Từ 1/10/2017-31/12/2017	Từ 1/5/2017-31/12/2017
(1)	(2)			
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.800.625.831	7.671.951.117
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.723.182.027	11.357.190.592
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(682.833.558)	(1.209.705.298)
- Chi phí lãi vay	06		658.304.463	1.467.730.225
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.499.278.763	19.287.166.636
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.966.069.916	10.523.674.260
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.602.704.851)	(724.859.935)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.046.418.532	14.083.341.629
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		36.458.131	(80.735.372)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(547.895.148)	(1.467.730.225)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(986.900.866)	(1.177.426.609)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.000.000)	(25.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.407.724.477	40.418.430.384
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.330.066.171)	(58.635.800.928)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.069.268.071)	(14.069.268.071)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		682.833.558	1.209.705.298
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.716.500.684)	(71.495.363.701)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		22.903.382.483	54.016.737.687
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(23.925.171.084)	(36.970.220.844)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.021.788.601)	17.046.516.843
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		3.669.435.192	(14.030.416.474)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.327.196.797	27.027.048.463
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8.34	12.996.631.989	12.996.631.989

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Thu Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Đình Tôn



Bắc Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC


Vũ Hữu Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Ninh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 do UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2300108311 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây lắp hệ thống điện cao thế đến 35KV; Xây dựng nhà dân dụng và Công nghiệp; Xây dựng các công trình hạ tầng đô thị; Xây dựng kênh mương, trạm bơm, trạm giao thông nông thôn; Xây dựng đường nông thôn nội tỉnh; Kinh doanh vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước; Kinh doanh bất động sản; Quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

Đến ngày 31/12/2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 332 người, trong đó số cán bộ quản lý là 28 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Ngày bàn giao và chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần là ngày 01/05/2017, tuy nhiên do ngày 01/05/2017 và ngày 02/05/2017 là ngày nghỉ lễ nên Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là ngày 03/05/2017.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu | Phương pháp bình quân gia quyền |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác | Chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất |

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá và giá trị còn lại của các TSCĐ của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh (Công ty cổ phần hóa) tại ngày 01/05/2017 được ghi nhận theo giá trị bàn giao. Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 30 năm |
| - Máy móc thiết bị | 05 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 30 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

- Thiết bị dụng cụ quản lý 05 - 08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác 07 - 25 năm

Tài sản cố định hữu hình khác của Công ty là các công trình xử lý nước, đường giếng bơm, tuyến đường vào giếng.

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định:

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Tài sản vô hình khác 14 năm
- Phần mềm máy tính 05 năm

Tài sản vô hình khác của Công ty là Chi phí giải phóng đền bù của các Dự án nhà máy nước sạch.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.10 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm chi phí lãi vay. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2300108311 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017, vốn điều lệ của Công ty là 375.493.910.000 VND được chia thành 37.549.391 cổ phần, đến ngày 31/12/2017 các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Vốn góp của Nhà nước	184.202.790.000	183.778.299.928	99,77%
Vốn góp cổ đông	191.291.120.000	191.291.120.000	100%
Tổng cộng	375.493.910.000	375.069.419.928	99,89%

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 này thì chi phí cổ phần hóa và quyết toán vốn Nhà nước chưa được phê duyệt. Theo đó, Công ty chưa hoàn tất thủ tục bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh (công ty cổ phần hóa) và số vốn góp thực tế đang thấp hơn trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 ngày 03/05/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 được tính toán một cách tin cậy;
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Dịch vụ cung cấp nước sạch thuế GTGT là 5% ; đối với dịch vụ xây lắp và nước tinh khiết thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế tài nguyên:

Chi phí thuế tài nguyên được xác định trên cơ sở sản lượng nước khai thác, giá tính thuế do UBND tỉnh Bắc Ninh quy định và thuế suất thuế tài nguyên nước.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.19 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 4 NĂM 2017**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/05/2017</u>
Tiền mặt (i)	1.310.843.209	1.782.127.828
Tiền gửi ngân hàng (ii)	1.626.674.342	2.507.556.235
Các khoản tương đương tiền (iii)	10.059.114.438	22.737.364.400
Cộng	<u>12.996.631.989</u>	<u>27.027.048.463</u>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2017 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	1.310.843.209
Cộng	-	<u>1.310.843.209</u>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2017 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	-
Tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bắc Ninh	-	845.626.051
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Kinh Bắc	-	780.128.701
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Từ Sơn	-	919.590
Cộng	-	<u>1.626.674.342</u>
(iii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/09/2017 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	-
Tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bắc Ninh	-	2.500.000.000
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Kinh Bắc	-	7.559.114.438
Cộng	-	<u>10.059.114.438</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngõ Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/05/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:	155.000.000.000	155.000.000.000	180.075.520.000	180.075.520.000
Ngắn hạn:				
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Từ Sơn (i)	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Kinh Bắc (ii)	5.000.000.000	5.000.000.000	30.075.520.000	30.075.520.000

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn HĐTG01/CAP THOAT NUOC BN-BIDVTS ngày 10/04/2017 với số tiền 150.000.000.000 đồng kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6,5%/năm.

(ii) Sổ tiết kiệm số 25610000142748 ngày 14/11/2017 với số tiền 5.000.000.000 đồng kỳ hạn 3 tháng với lãi suất 4,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngõ Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.3. Phải thu khách hàng

	31/12/2017 VND	01/05/2017 VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	16.753.836.318	16.926.824.052
Khách hàng mua nước khu vực Bắc Ninh	11.799.153.658	8.300.783.408
Gói thầu 3 Hệ thống điện, công viên cây xanh, đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xã Nam Sơn-Vân Dương	318.611.000	4.864.653.000
Gói thầu 3 Hệ thống điện K15	1.185.188.000	1.185.188.000
Khách hàng khác	3.450.883.660	2.576.199.644
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	16.753.836.318	16.926.824.052

5.4. Trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND	01/05/2017 VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	43.218.300.000	460.000.000
Công ty TNHH Cơ điện HAWACO		200.000.000
Công ty CP XD lắp máy điện nước Hà Nội-Haweico	4.500.000.000	
Tổng Cty đầu tư nước và môi trường Việt Nam	35.200.000.000	-
Công ty CP tư vấn Đầu tư và XD Bắc Ninh	-	260.000.000
Công ty CP đầu tư TM XNK Phú Thái	772.619.000	
Công ty XD Tiến Thành	500.000.000	
Công ty SX và TM Tuấn Dũng (TNHH)	2.000.000.000	
Trả trước cho người bán khác	245.681.000	
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	43.218.300.000	460.000.000

5.5. Phải thu nội bộ

	31/12/2017 VND	01/05/2017 VND
a) Phải thu nội bộ ngắn hạn	2.203.080.160	2.203.080.160
Ban quản lý nhà máy nước Gia Bình	1.895.795.360	1.895.795.360
Dự án cấp nước GĐ 1	-	-
Dự án thoát nước và xử lý nước thải	307.284.800	307.284.800
Các đội xây lắp	-	-
b) Phải thu nội bộ dài hạn	-	-
Cộng	2.203.080.160	2.203.080.160

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.6. Phải thu khác

	31/12/2017 VND		01/05/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	1.680.639.179		2.810.749.231	
Tạm ứng cho nhân viên các đội	1.680.639.179	-	2.810.749.231	-
b) Phải thu dài hạn khác	856.324.843		856.324.843	
Chênh lệch đánh giá lại khoản đầu tư(i)	856.324.843	-	856.324.843	-
Cộng	2.536.964.022	-	3.667.074.074	-

(i) Chênh lệch do đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty liên kết theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP khi chuyển từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

5.7. Hàng tồn kho

	31/12/2017 VND		01/05/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.469.931.211	-	7.647.620.573	-
Công cụ, dụng cụ	21.460.113	-	11.316.113	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.598.491.248	-	4.706.085.951	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Cộng	13.089.882.572	-	12.365.022.637	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngõ Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư 01/05/2017	64.058.978.790	12.630.284.810	204.213.250.232	1.455.571.272	117.759.369.603	400.117.454.707
Đầu tư XDCB hoàn thành	1962181190	2.875.524.455	56.704.456.457	-		61.542.162.102
Số dư cuối 31/12/2017	66.021.159.980	15.505.809.265	260.917.706.689	1.455.571.272	117.759.369.603	461.659.616.809
<i>Trong đó:</i>						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY						
KẾ						
Số dư 01/05/2017	29.480.477.774	6.385.482.100	86.298.642.665	597.976.125	63.637.367.156	186.399.945.820
Khấu hao trong kỳ	1.978.118.329	893.890.225	5.531.033.285	154.234.616	2.525.827.694	11.083.104.149
Số dư cuối 31/12/2017	31.458.596.103	7.279.372.325	91.829.675.950	752.210.741	66.163.194.850	197.483.049.969
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu 01/05/2017	34.578.501.016	6.244.802.710	117.914.607.567	857.595.147	54.122.002.447	213.717.508.887
Tại ngày cuối 31/12/2017	34.562.563.877	8.226.436.940	169.088.030.739	703.360.531	51.596.174.753	264.176.566.840

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngõ Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chi phí lập dự án đền bù giải phóng mặt bằng	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư 01/05/2017	5.649.415.300	38.000.000	5.687.415.300
Số dư cuối 31/12/2017	5.649.415.300	38.000.000	5.687.415.300
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu 01/05/2017	1.393.292.323	5.063.667	1.398.355.990
Khấu hao trong kỳ	269.019.776	5.066.666	274.086.442
Số dư cuối 31/12/2017	1.662.312.099	10.130.332	1.672.442.431
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu 01/05/2017	4.256.122.977	32.936.333	4.289.059.310
Tại ngày cuối 31/12/2017	3.987.103.201	27.869.668	4.014.972.869

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngõ Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017 VND		01/05/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Công trình Đình-Bàng-Từ Sơn	1.061.142.288	1.061.142.288	1.679.147.806	1.679.147.806
Bệnh viện tỉnh Bắc Ninh	4.057.838.030	4.057.838.030	4.772.201.117	4.772.201.117
Bệnh viện y tế	5.431.996.164	5.431.996.164	7.384.363.707	7.384.363.707
Công trình khác	2.650.330.244	2.650.330.244	166.248.500	166.248.500
Cộng	13.201.306.726	13.201.306.726	14.001.961.130	14.001.961.130
b. Xây dựng cơ bản dở dang				
Tuyến ống đầu nối từ khu Trần Hạp Lĩnh nối tiếp vào ống D200 cấp nước Tân Chi	1.090.683.294	1.090.683.294		
Công trình tuyến truyền tải D350 dọc theo QL38 Hạp Lĩnh			20.340.537.496	20.340.537.496
Công trình tuyến ống dịch vụ Nam Sơn			6.518.816.122	6.518.816.122
Mạng lưới cấp nước dịch vụ cho khu vực chưa có nước sạch 2015			7.589.164.018	7.589.164.018
Tuyến truyền tải D355 Gia Bình			6.345.556.153	6.345.556.153
Tuyến ống truyền tải D630	22.259.914.679	22.259.914.679		
Tuyến ống nước thô Lương Tài	10.789.188.971	10.789.188.971	17.548.479.058	17.548.479.058
Tuyến ống nước thô Gia Bình	1.171.436.830	1.171.436.830		
Công trình khác	7.648.098.543	7.648.098.543		
Cộng	42.959.322.317	42.959.322.317	58.342.552.847	58.342.552.847

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017 VND		01/05/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	1.650.000.000	1.650.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000
Cộng	1.650.000.000	1.650.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.11.1. Thuyết minh bổ sung về công ty liên kết

	<u>Phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	20,63	20,63

5.12. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2017 VND</u>	<u>01/05/2017 VND</u>
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
b) Chi phí trả trước dài hạn	1.178.821.922	1.098.086.550
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	641.015.945	423.844.126
Chi phí thổi rửa giếng	404.545.455	674.242.424
Chi phí làm hàng rào	101.512.017	
Đội 5	31.748.505	
Cộng	<u>1.178.821.922</u>	<u>1.098.086.550</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngõ Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.13. Phải trả người bán

	31/12/2017 VND		01/05/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	14.672.442.026	14.672.442.026	24.717.297.319	24.717.297.319
Công ty cổ phần Cúc Phương	381.841.636	381.841.636	3.846.738.955	3.846.738.955
Công ty TNHH QC & TM Phúc Lộc	5.887.926.352	5.887.926.352	8.270.083.552	8.270.083.552
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh				
Công ty Cổ phần HAWACO	1.324.651.900	1.324.651.900	7.900.713.605	7.900.713.605
Công ty TNHH cơ điện HAWACO	1.036.374.020	1.036.374.020		
Phải trả người bán ngắn hạn khác	6.041.648.118	6.041.648.118	4.699.761.207	4.699.761.207
b) Phải trả người bán dài hạn	730.766.825	730.766.825	6.985.716.284	6.985.716.284
Công ty TNHH Chế tạo thiết bị điện Hà Nội			1.174.010.289	1.174.010.289
Công ty TNHH Xây dựng và SX Thành An Dương			2.763.403.939	2.763.403.939
Phải trả cho các đối tượng khác	730.766.825	730.766.825	3.048.302.056	3.048.302.056
Cộng	15.403.208.851	15.403.208.851	31.703.013.603	31.703.013.603

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nội dung	01/05/2017		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		31/12/2017	
	Phải thu	Phải nộp	trong kỳ	trong kỳ	trong kỳ	trong kỳ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	3.093.953.620	-	5.784.405.278	4.626.891.073	4.251.467.825	-	4.251.467.825	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.107.201.631	1.177.426.609	2.667.299.552	-	2.597.074.574	-	2.597.074.574
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	362.444.250	349.318.935	-	-	-	31.305.060
Thuế tài nguyên	-	44.430.375	11.003.712.234	11.290.031.714	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	-	4.247.287.745	18.327.988.371	18.933.541.274	4.251.467.825	4.533.607.225	4.251.467.825	4.533.607.225
Khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	3.093.953.620	5.398.919.751	18.327.988.371	18.933.541.274	4.251.467.825	7.161.986.859	4.251.467.825	7.161.986.859

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.15. Phải trả nội bộ

	31/12/2017 VND	01/05/2017 VND
a) Phải trả nội bộ ngắn hạn	582.887.354	641.778.366
Nguyễn Văn Cường NM nước Lương Tài	438.275.000	566.086.012
Vũ Đình Cường NM nước Quế Võ Phòng QLKH	75.692.354 68.920.000	75.692.354
b) Phải trả nội bộ dài hạn	-	-
Cộng	582.887.354	641.778.366

5.16. Phải trả khác

	31/12/2017 VND	01/05/2017 VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	5.024.068.362	13.563.474.014
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	5.034.604.241
Cổ đông góp vốn+Lãi phải trả cổ đông Đội 1	873.045.109	873.045.109
Đội 3	-	785.273.708
Đội 5	-	1.467.109.290
Đội 6	-	4.899.077.163
Tổ XL số 1	-	245.133.637
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.151.023.253	259.230.866
b) Phải trả dài hạn khác	82.171.277.991	47.433.410.079
Phải trả vốn hỗ trợ các dự án	64.054.325.163	47.433.410.079
Dự án cấp nước giai đoạn 2	828.688.451	-
Phí thuê vận hành	5.000.000.000	-
Đội 1	630.077.924	-
Đội 3	1.867.109.290	-
Đội 5	4.892.000.000	-
Đội 6	4.899.077.163	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-
Cộng	87.195.346.353	60.996.884.093

- (i) Ngày 07/05/2014, UBND tỉnh Bắc Ninh ra quyết định số 138/2014/QĐ-UBND về việc Quy định thu hồi vốn khấu hao tài sản cố định của các dự án nước sạch nông thôn được ngân sách nhà nước hỗ trợ xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

- (i) Hợp đồng thấu chi số 01/2017/4474024/HĐ ngày 29/06/2017 với hạn mức tín dụng 40.075.520.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi: 103 ngày từ ngày 30/06/2017 đến 10/10/2017. Lãi suất 6,1%/năm với tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.
- (ii) Ngày 16 tháng 12 năm 2009, Công ty ký hiệp định vay lại với Bộ Tài chính với mục đích để bổ sung dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước đô thị thị trấn Chờ, huyện Yên Phong; thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.
- Theo đó, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh sẽ hoàn trả cho Bộ Tài Chính số nợ gốc trong vòng 20 năm trong đó có 3 năm ân hạn. Như vậy, Công ty thực hiện hoàn trả các khoản vay theo 34 bán niên bằng nhau vào ngày 1/6 và 1/12 hàng năm. Lãi vay được miễn trả lãi trong thời gian ân hạn, sau đó trả lãi vào 1/6 và 1/12 với lãi suất 3%/năm.
- Ngày 17/07/2005, Công ty ký hiệp định vay lại Bộ Tài chính với mục đích đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tại thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Công ty hoàn trả nợ gốc và lãi trong vòng 20 năm trong đó có 3 năm ân hạn. Công ty thực hiện hoàn trả các khoản vay theo 34 bán niên bằng nhau vào ngày 1/6 và 1/12 hàng năm. Lãi vay được miễn trả lãi trong thời gian ân hạn, sau đó trả lãi vào 1/6 và 1/12 với lãi suất 6%/năm. Hợp đồng vay là hợp đồng tín chấp.
- (iii) Bao gồm 7 hợp đồng vay dài hạn với mục đích xây các đường ống cấp nước ở các xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh với thời hạn vay là 10 năm. Lãi suất vay 11%/năm trong 6 tháng đầu tiên và sau đó được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau cộng (+) margin 4%/năm. Hợp đồng vay được thế chấp tài sản đảm bảo hình thành trong tương lai.

5.18. Vốn chủ sở hữu**5.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/05/2017	375.069.419.928	1.274.282.538		-	376.343.702.466
-Lãi trong kỳ	-		856.324.843	4.904.177.891	561.856.766
Số dư tại ngày 31/12/2017	375.069.419.928	1.274.282.538	856.324.843	4.904.177.981	382.104.205.200

5.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017 (VND)	01/05/2017 (VND)
- Vốn góp của Nhà nước	183.778.299.928	183.778.299.928
- Vốn góp của các cổ đông	191.291.120.000	191.291.120.000
Cộng	375.069.419.928	375.069.419.928

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

5.18.3. Cổ phiếu

	<u>31/12/2017</u> (VND)	<u>01/05/2017</u> (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.549.391	37.549.391
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.549.391	37.549.391
+ Cổ phiếu phổ thông	37.549.391	37.549.391
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (CP quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.549.391	37.549.391
+ Cổ phiếu phổ thông	37.549.391	37.549.391
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu*

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ hoạt động từ 1/10/2017 đến 31/12/2017	Kỳ hoạt động từ 1/5/2017 đến 31/12/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.019.498.583	81.039.545.857
Doanh thu nước sạch	28.484.977.496	69.745.545.907
Doanh thu cho thuê tài sản	135.169.840	532.679.360
Doanh thu xây lắp	3.399.351.247	10.761.320.590
Cộng	32.019.498.583	81.039.545.857

6.2 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 1/10/2017 đến 31/12/2017	Kỳ hoạt động từ 1/5/2017 đến 31/12/2017
Giá vốn bán nước sạch	22.010.671.925	53.596.588.381
Giá vốn nước tinh khiết		18.511.326
Giá vốn cho thuê tài sản	185.292.869	504.805.984
Giá vốn hoạt động xây lắp	3.170.083.757	10.270.426.303
Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	25.366.048.551	64.390.331.994

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 1/10/2017 đến 31/12/2017	Kỳ hoạt động từ 1/5/2017 đến 31/12/2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	658.304.463	1.209.705.298
Cộng	658.304.463	1.209.705.298

6.4 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 1/10/2017 đến 31/12/2017	Kỳ hoạt động từ 1/5/2017 đến 31/12/2017
Lãi tiền vay	658.304.463	1.467.730.225
Cộng	658.304.463	1.467.730.225

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 1/10/2017 đến 31/12/2017	Kỳ hoạt động từ 1/5/2017 đến 31/12/2017
Chi phí nhân viên quản lý	1.073.796.584	2.976.397.690
Chi phí vật liệu quản lý	48.808.936	87.541.109
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.514.243.366	5.077.384.295
Thuế, phí và lệ phí	24.404.468	43.770.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.831.275	393.934.988
Chi phí bằng tiền khác	48.808.936	175.082.217
Cộng	4.880.893.564	8.754.110.853

6.6 Thu nhập khác

	Kỳ hoạt động từ 1/10/2017 đến 31/12/2017	Kỳ hoạt động từ 1/5/2017 đến 31/12/2017
Thanh lý vật tư		35.045.000
Thu nợ tiền nước đã xử lý	2.855.386	2.855.386
Thu tiền vận chuyển clo thuê	4.694.000	4.694.000
Cộng	7.549.386	42.594.386

6.7 Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 1/10/2017 đến 31/12/2017	Kỳ hoạt động từ 1/5/2017 đến 31/12/2017
Tiền chậm nộp thuế	4.009.118	7.721.352
Cộng	4.009.118	7.721.352

6.8 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 1/10/2017 đến 31/12/2017	Kỳ hoạt động từ 1/5/2017 đến 31/12/2017
Lợi nhuận trước thuế	1.800.625.831	7.671.951.117
Điều chỉnh tăng	4.009.118	7.721.352
Tiền chậm nộp thuế	4.009.118	7.721.352
Điều chỉnh giảm	-	-
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế công ty liên kết	-	-
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	1.804.634.949	7.679.672.469
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	360.926.990	1.535.934.494
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	360.926.990	1.535.934.494

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017 (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 1/10/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Kỳ hoạt động từ 1/5/2017 đến 31/12/2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.439.698.841	6.136.016.623
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.439.698.841	6.136.016.623
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	37.549.391	37.549.391
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	38,34	163,41

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được lấy theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 ngày 03/05/2017.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 1/10/2017 đến 31/12/2017	Kỳ hoạt động từ 1/5/2017 đến 31/12/2017
Chi phí nguyên vật liệu	6.660.922.882	16.107.727.228
Chi phí nhân công	11.554.429.634	27.941.413.542
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.245.222.496	22.357.190.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.512.347.106	3.657.222.142
Chi phí bằng tiền khác	1.274.019.996	3.080.889.383
Cộng	30.246.942.115	73.144.442.847

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 22.903.382.483 VND

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 23.925.171.084 VND

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thu Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Đình Tôn



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Hữu Tân